TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TRÀ MY** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **33/**2022/QĐST-HNGĐ	*Bắc Trà My, ngày 17 tháng* 5 *năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm: 1990.
Địa chỉ: tổ Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Q.

- *Bị đơn*: Anh Trần Hữu T, sinh năm: 1990.
Địa chỉ: thôn 4, xã Trà B, huyện B, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm G và anh Trần Hữu T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Cẩm G và anh Trần Hữu T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2013 ngày 08/10/2013 của UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Q chấm dứt giá trị pháp lý).

- Về con chung: có 01 con chung là Trần Hữu T1, sinh ngày 24/4/2014. Giao cháu T1 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trần Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Hữu T1, sinh ngày 24/4/2014 mỗi tháng 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm G tự nguyện chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* và mức án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Tổng cộng là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà chị G đã nộp theo biên lai thu số: 0005054 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Phòng Tư pháp huyện Bắc Trà My;
- UBND thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My;
- Sở tư pháp Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng Chi